CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Cơ khí Xây dựng AMECC

Ngày 30/06/2025	8,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	1.3%	**-4.8%**	**-**

DT thuần
Q2/25
1,061
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 508| 91.9%
YoY: ▲ 301| 39.6%

LN thuần
Q2/25
30.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 19.3| 177%
YoY: ▼2.20| -6.8%

LN sau thuế
Q2/25
17.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 8.82| 107%
YoY: ▼4.80| -21.7%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
4.7%
YoY: +/-▼ 1.0%

ROE (TTM)
Q2/25
5.1%
YoY: +/-▼ 0.7%

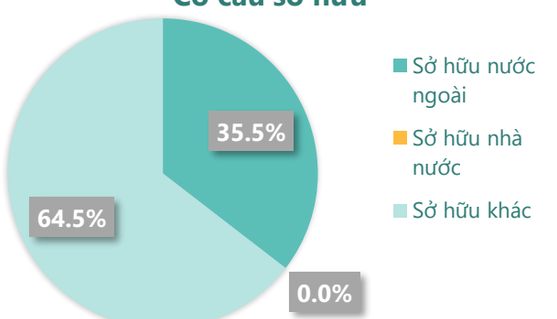
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	6,700 - 11,851
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	480
Số lượng CPLH (CP)	60,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	147,785
Sở hữu nước ngoài	35.5%
Beta	0.98
EPS	705
P/E	11.3

DT thuần
6T 2025
1,614
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 135| 9.1%

LN thuần
6T 2025
41.0
tỷ VNĐ
YoY: ▼10.1| -19.6%

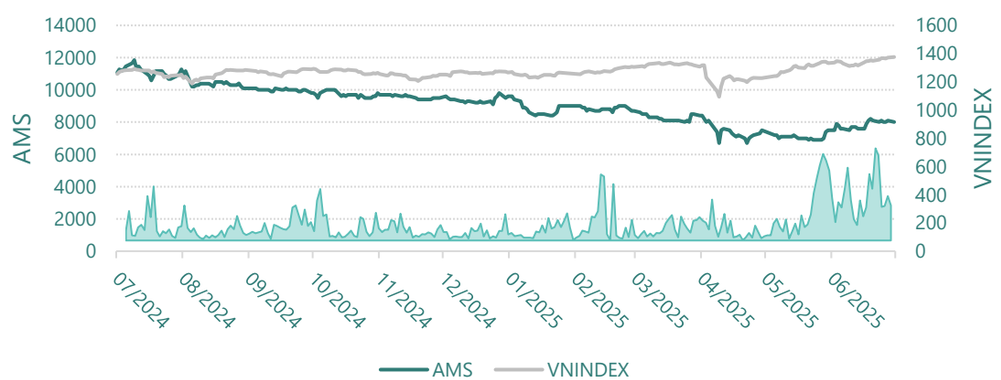
LN sau thuế
6T 2025
25.4
tỷ VNĐ
YoY: ▼12.4| -32.7%

Cơ cấu sở hữu

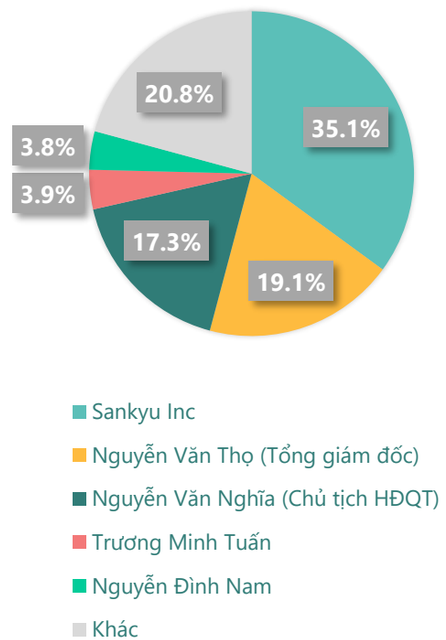


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



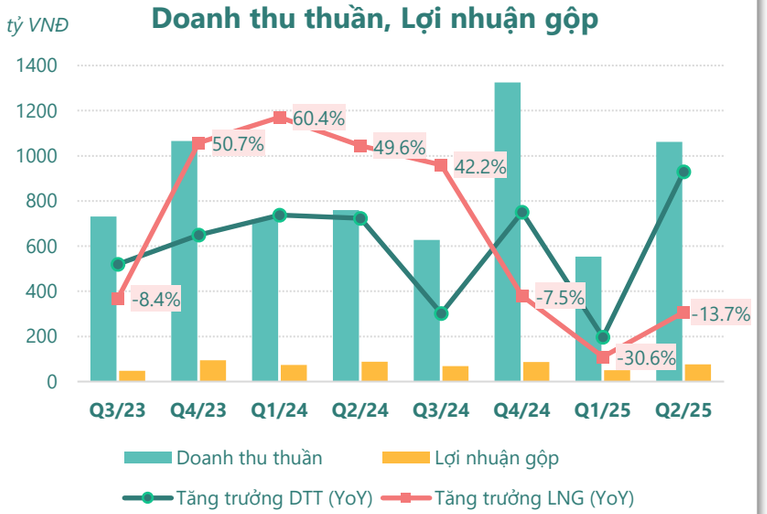
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

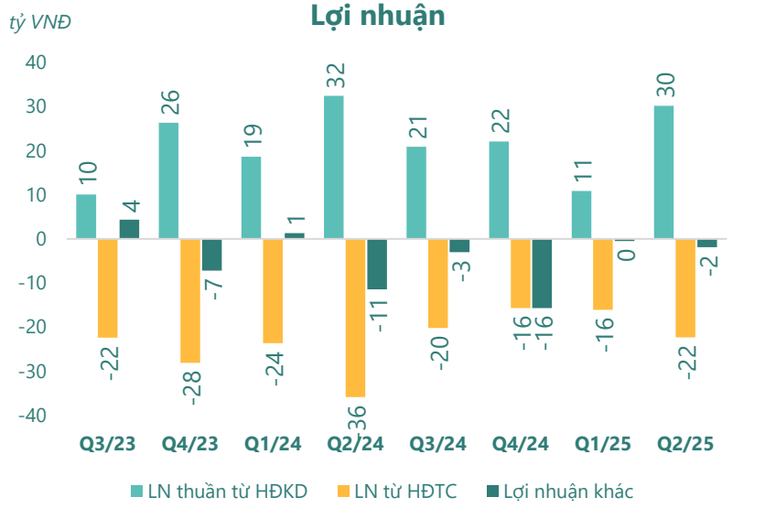
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



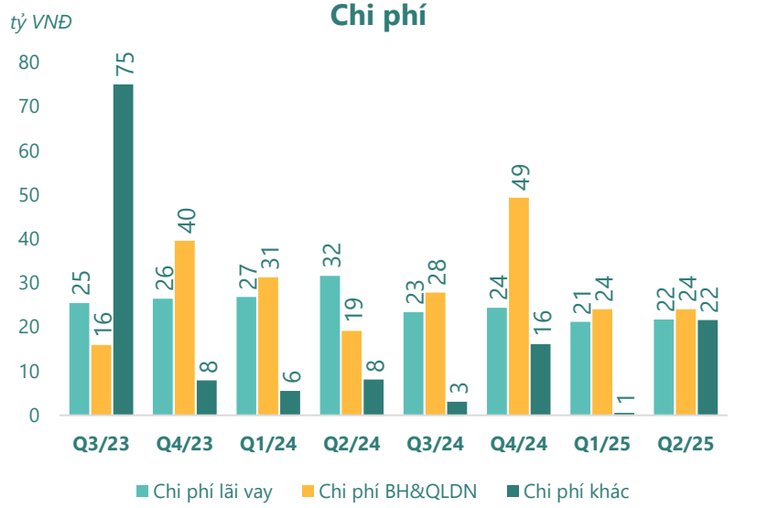
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



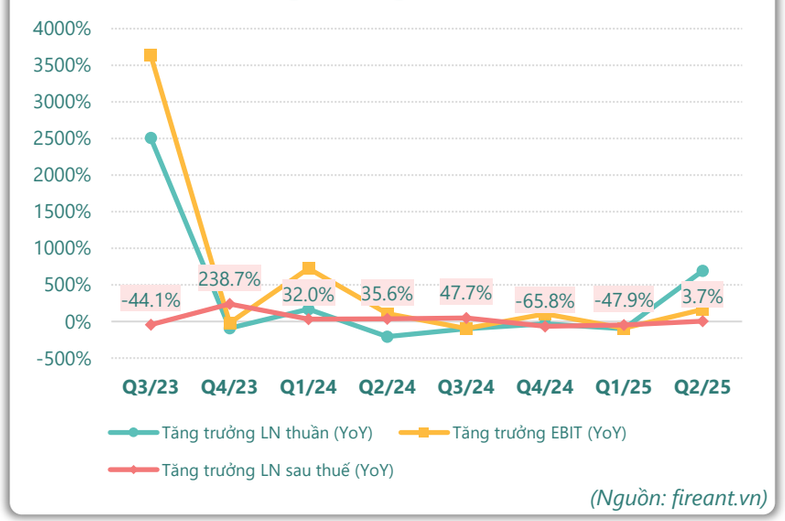
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



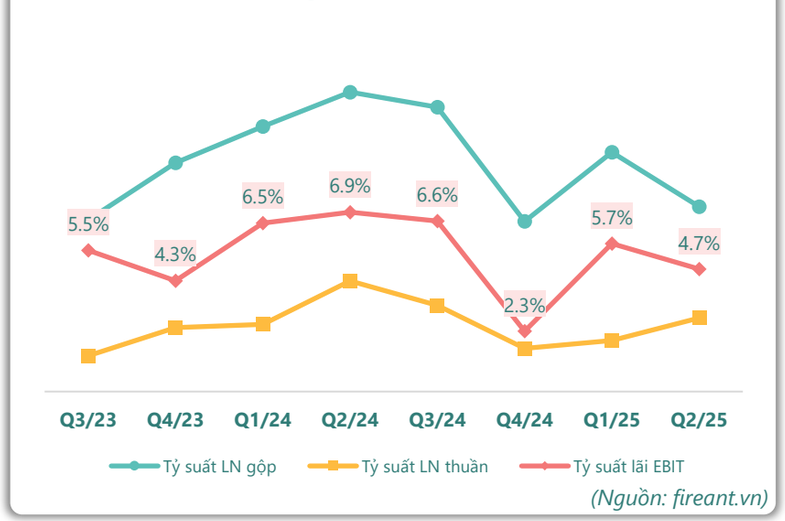
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



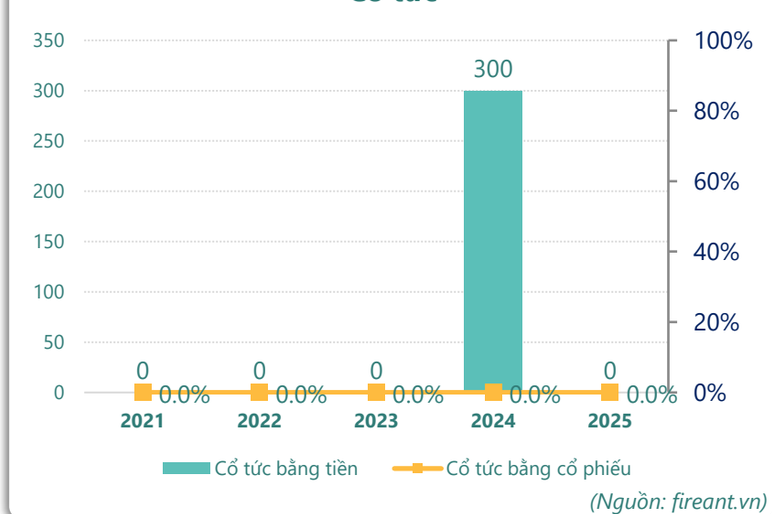
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

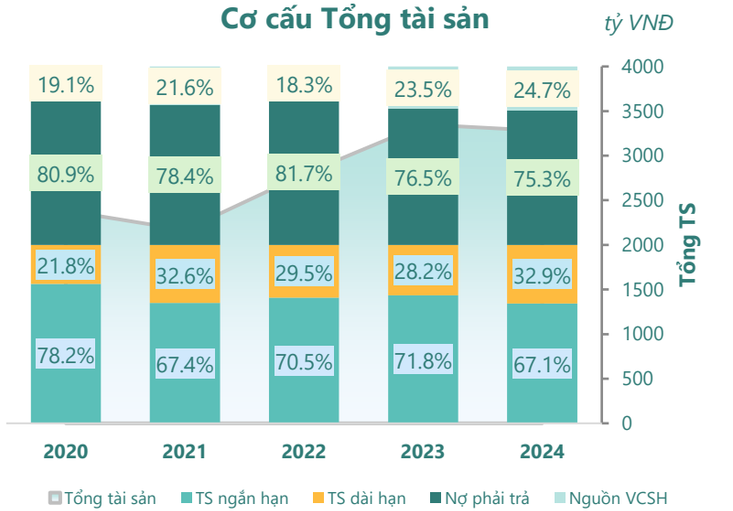
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

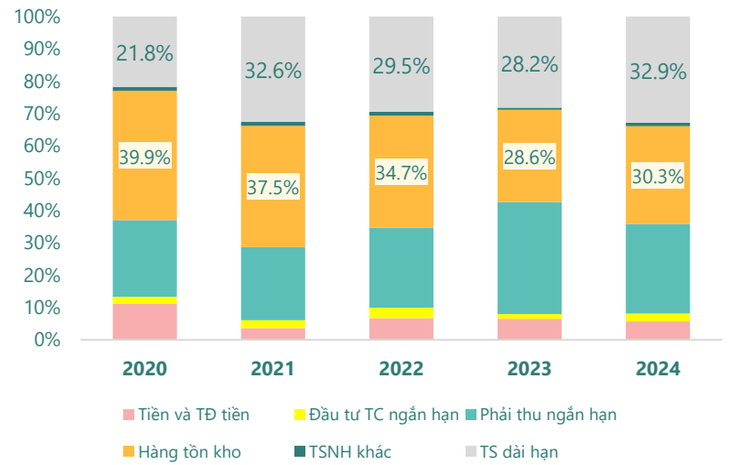
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



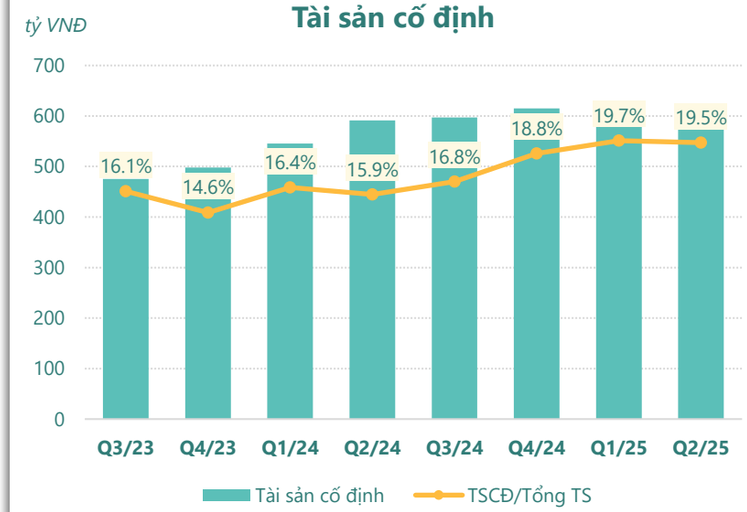
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



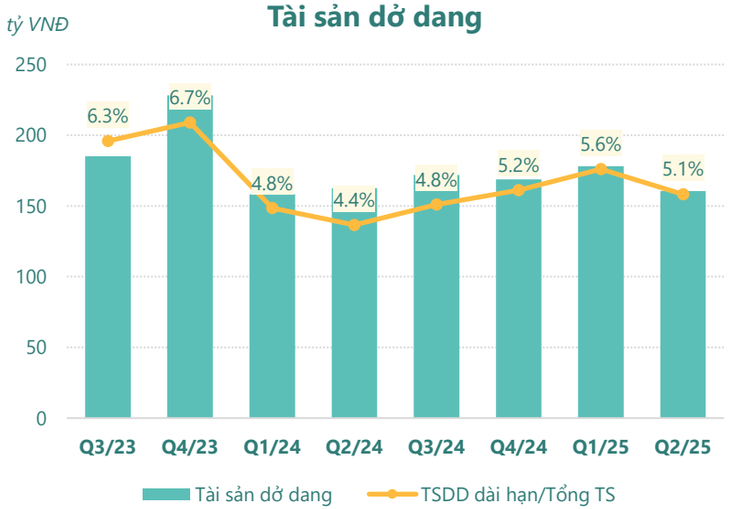
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



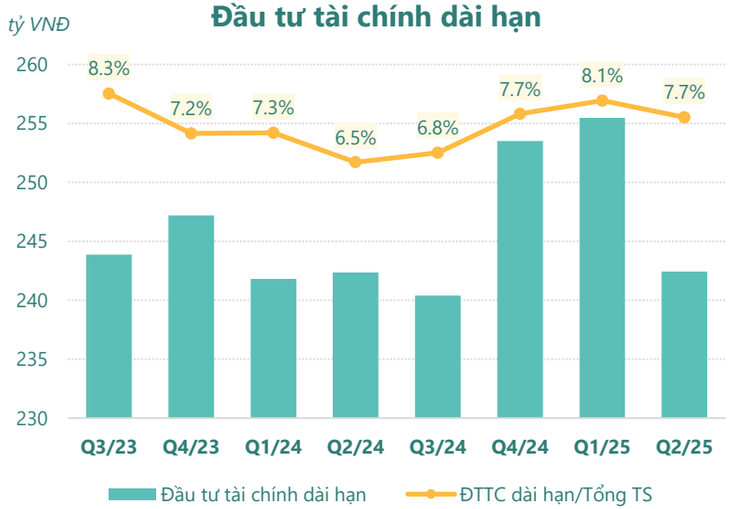
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



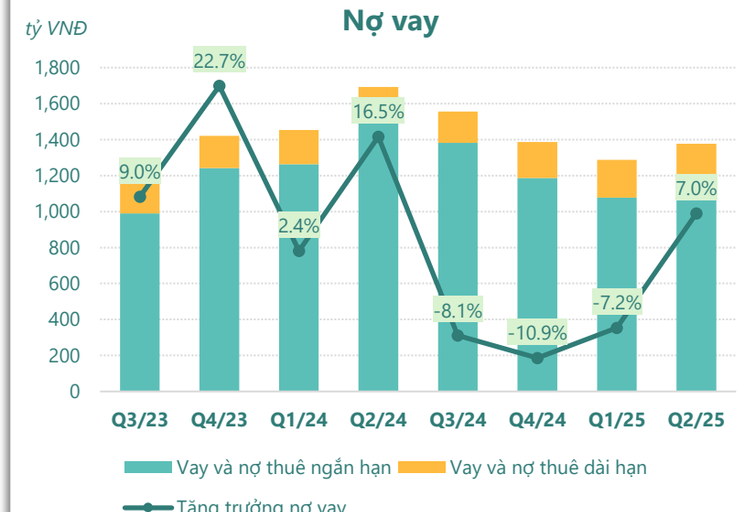
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

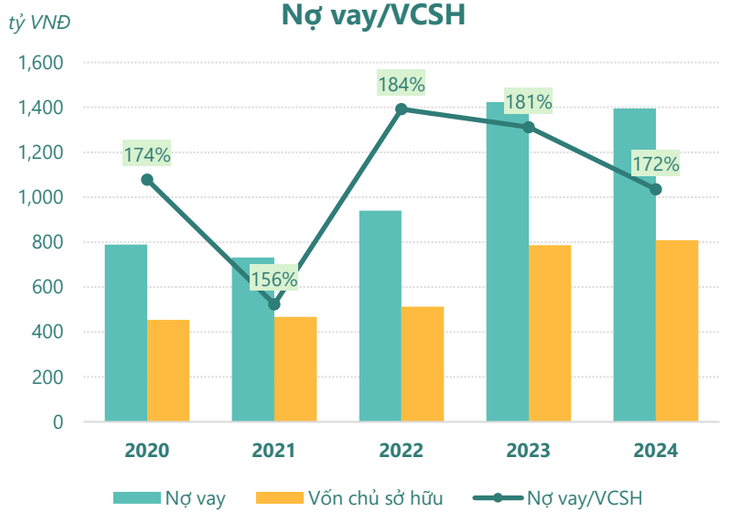
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



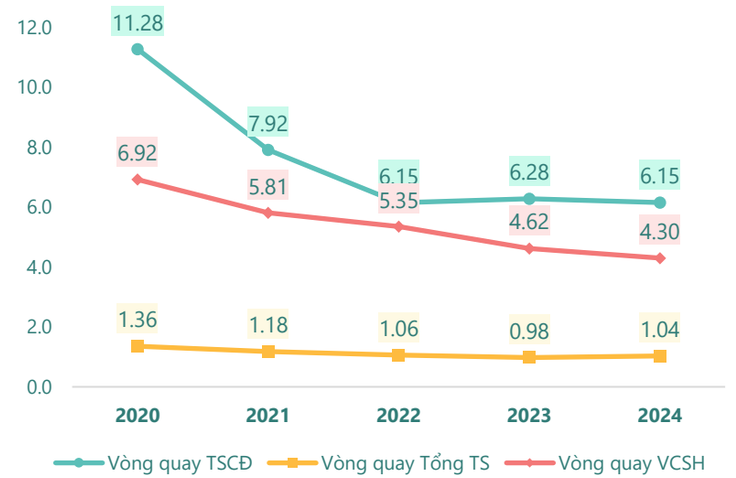
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



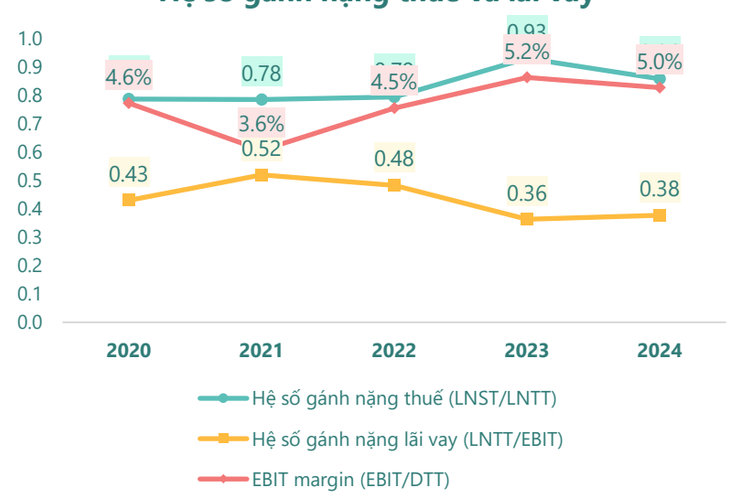
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



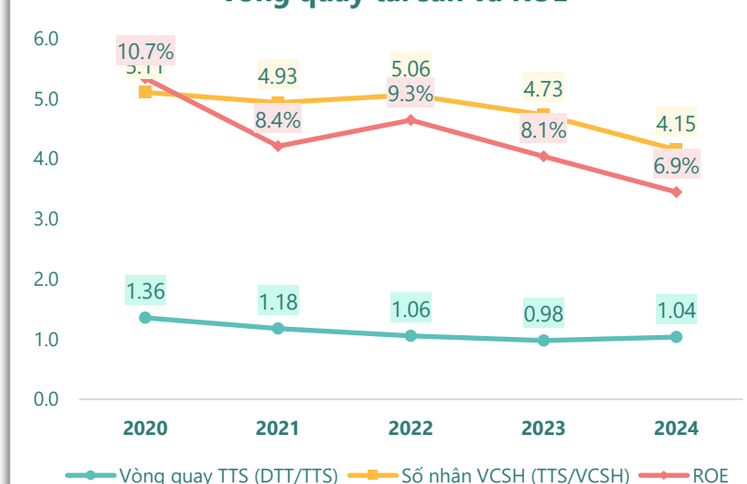
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



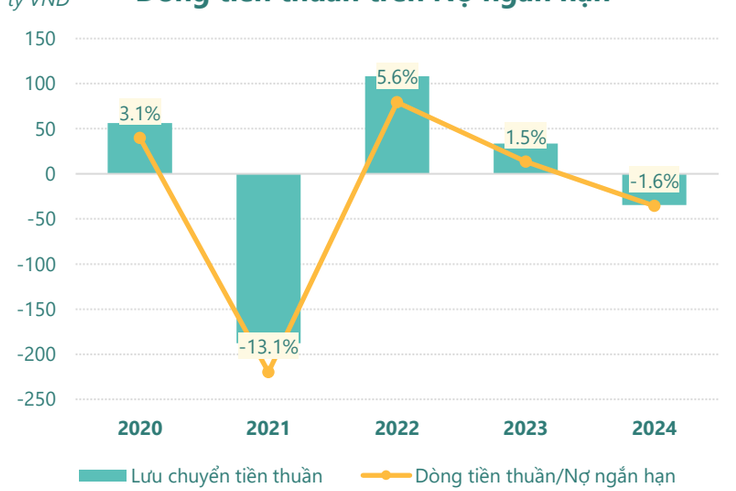
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**1,061**	**760**	**39.6%**	**1,614**	**1,479**	**9.1%**
Giá vốn hàng bán	985	672	46.6%	1,487	1,318	12.9%
Lợi nhuận gộp	75.7	87.8	-13.8%	127	161	-21.4%
Doanh thu HĐTC	4.79	5.09	-5.9%	10.0	8.53	17.6%
Chi phí TC	27.1	41.0	-33.9%	48.5	68.0	-28.7%
Chi phí lãi vay	21.8	31.6	-31.2%	42.9	58.4	-26.5%
LN trong công ty LKLD	**0.83**	**-0.34**	**343%**	**0.83**	**-0.34**	**343%**
Chi phí bán hàng	6.62	9.03	-26.7%	12.9	20.4	-36.6%
Chi phí QLDN	**17.4**	**10.1**	**72.5%**	**35.2**	**30.0**	**17.1%**
LN thuần từ HĐKD	30.2	32.4	-6.8%	41.0	51.1	-19.6%
Lợi nhuận khác	**-1.85**	**-11.4**	**83.8%**	**-2.30**	**-10.2**	**77.3%**
LN trước thuế	28.3	21.0	34.9%	38.7	40.9	-5.3%
Lợi nhuận sau thuế	**17.1**	**21.9**	**-21.7%**	**25.4**	**37.8**	**-32.7%**
LNST của CĐ cty mẹ	**17.1**	**21.9**	**-21.7%**	**25.4**	**37.8**	**-32.7%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-119	-186	312	138	6.35	106
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-36.3	-67.4	-123	81.6	-12.5	-23.6
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	33.5	235	-133	-187	-103	60.4
Tiền đầu kỳ	220	97.5	80.0	136	186	77.4
Lưu chuyển tiền thuần	**-122**	**-18.2**	**56.5**	**32.7**	**-109**	**143**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.64	-0.64	0	0	0.39
Tiền cuối kỳ	97.5	80.0	136	169	77.4	221

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**3,167**	**3,278**	**-3.4%**
Tài sản ngắn hạn	2,101	2,201	-4.5%
Tiền và tương đương tiền	221	186	18.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	114	81.2	39.9%
Phải thu ngắn hạn	810	906	-10.6%
Hàng tồn kho	919	993	-7.5%
Tài sản ngắn hạn khác	38.5	33.9	13.3%
Tài sản dài hạn	**1,066**	**1,077**	**-1.1%**
Phải thu dài hạn	23.2	22.9	1.3%
Tài sản cố định	619	618	0.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	160	169	-5.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	242	242	0.3%
Tài sản dài hạn khác	**20.8**	**26.3**	**-20.6%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2,332	2,469	-5.6%
Nợ ngắn hạn	**2,064**	**2,168**	**-4.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,189	1,195	-0.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	413	406	1.7%
Nợ dài hạn	268	301	-11.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	188	200	-5.8%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**835**	**809**	**3.2%**
Vốn chủ sở hữu	**835**	**809**	**3.2%**
Vốn điều lệ	600	600	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)